Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 53 : VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(THƠ TRÀO PHÚNG)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu bài: bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại dàn bài chung đối với bàn văn phân tích một tác phẩm văn học  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học |  |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viếtHS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.*    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.  - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay. | **2. Viết bài**  -Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa 2 phương án để giúp bài viết được chặt chẽ và mạch lạc  -Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung  **3. Chỉnh sửa bài viết**  -Kiểm tra lại các đoạn văn và bài văn đã viết  -Phát hiện và sửa lỗi nội dung (thiếu ý, lặp ý …)  - Phát hiện và sửa lỗi hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu …) |

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết bài văn phân tích bài thơ “Lai Tân” của Hồ Chí Minh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.  - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét | **Mở bài:** Giới thiệu tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm “Lai Tân” và nêu khái quát hoàn cảnh sáng tác bài thơ này  **Thân bài:** Phân tích và làm sáng tỏ tiếng cười trào phúng trong bài thơ:  - Đối tượng trào phúng trong 3 câu đầu (Ban trưởng nhà giam, cảnh trưởng, huyện trưởng) hiện lên như thế nào, nghệ thuật trào phúng trong 3 câu thơ này  - Đối tượng trào phúng trong câu cuối hiện lên như thế nào, nghệ thuật trào phúng trong câu thơ này  **Kết bài:** Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết mà HS viết được.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hoàn thiện bài văn theo dàn ý đã lập cùng nhóm  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS làm bài cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Nộp lại bài hoàn chỉnh cho GV chấm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

+ Hoàn thiện bài văn theo dàn ý đã lập cùng nhóm: Viết bài văn phân tích bài thơ “Lai Tân” của Hồ Chí Minh

+ Soạn bài tiếp theo: Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ( ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 54: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức trách nhiệm với cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi phát vấn: ***Theo em, tiếng cười có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống mỗi người?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  + Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về ***các bước trình bày bài nói***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Trước khi nói**  - Xác định phạm vi trình bày (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng…).  - Tìm những ý chính dự định sẽ trình bày trong bài nói:  + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?  + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?  + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?  + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.  - Từ các ý tìm được, lập dàn ý cho bài nói. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi trình bày bài nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về ***các bước trình bàu bài nói***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Trình bày bài nói**  - Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể).  - Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằn chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,…)  - Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại. |

**Hoạt động 3: Trao đổi, đánh giá**

**a. Mục tiêu:** Đánh giá để tìm ra điểm cần phát huy và hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện kĩ năng nói và nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trao đổi về bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về ***các tiêu chí đánh giá bài nói và nghe***  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **3. Đánh giá**  Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:  - Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?  - Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?  - Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe… của người nói có thuyết phục không?  - Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không? |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Trình bày ý kiến của em về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống: Tiếng cười tạo sức mạnh cho con người vượt khó khăn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để sửa bài nói cho các bạn khác

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện đánh giá vào bảng  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV thu bảng đánh giá  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt nội dung |  |

**\*Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Tiêu chí* | | *Chưa tốt* | *Tốt* | *Xuất sắc* |
| *Mở đầu* | *Có lời chào ban đầu và giới thiệu* |  |  |  |
| *Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói* |  |  |  |
| *Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)* |  |  |  |
| *Nội dung chính* | *Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?* |  |  |  |
| *Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?* |  |  |  |
| *Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe… của người nói có thuyết phục không?* |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Kết thúc* | *Khẳng định được ý nghĩa của vấn đề thảo luận* |  |  |  |
| *Rút ra được bài học nhận thức, hành động* |  |  |  |
| *Kỹ năng trình bày* | *Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói* |  |  |  |
| *Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói* |  |  |  |
| *Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe* |  |  |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Luyện nói tại nhà

+ Soạn trước bài Củng cố, mở rộng + Thực hành đọc

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 55: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Nắm được nội dung, nghệ thuật của các văn bản đã học trong chủ đề.

- Vận dụng kiến thức về văn bản truyện thực hành đọc.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài tập.

- Năng lực tiếp thu tri thức để tìm hiểu bài Thực hành đọc.

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Củng cố,. mở rộng.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: Hãy kể tên các văn bản em đã được học trong *Bài 4 . Giai điệu đất nước*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: |  |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Với bài tập 1, GV yêu cầu HS xem lại các bài tập đã hoàn thành ở nhà. Đại diện các nhóm trình bày theo bảng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Mùa xuân nho nhỏ** | **Gò Me** | | Tình cảm, cảm xúc  của tác giả |  |  | | Biện pháp TT nổi bật |  |  | | Hình ảnh đặc sắc |  |  |   - Với bài tập 2, GV khuyến khích học sinh đọc thêm một số bài thơ viết về đất nước và chỉ ra đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung.  - HS tự lựa chọn chi tiết mình yêu thích để trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 2-3 HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Củng cố mở rộng**  ***Bài 1:***  ***Bài 2: HS tự hoàn thành*** |
| ***Bài 1:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Mùa xuân nho nhỏ | Gò Me | | Tình cảm, cảm xúc của tác giả | Cảm xúc tự hào, yêu mến, trân trọng và khao khát cống hiến của tác giả dành cho quê hương, đất nước. | Tình cảm gắn bó, yêu quý, tự hào của tác giả dành cho miền quê và những con người lao động nơi quê hương xứ sở. | | Biện pháp tu từ nổi bật | So sánh, liệt kê, điệp ngữ | So sánh, liệt kê, điệp ngữ | | Hình ảnh đặc sắc | - Hình ảnh thiên nhiên gần gũi, bình dị (dòng sông, bông hoa, con chim, nốt trầm,…)  - Hình ảnh con người (người lao động, người cầm súng làm việc hăng say, con người khao khát được cống hiến) | - Hình ảnh thiên nhiên đặc sắc, có hồn, tươi đẹp (con đê cát đỏ, vườn mía lao xao, ao làng trong vắt,…)  - Hình ảnh con người khéo léo, cần cù, hăng say lao động (cô gái Gò Me) | | |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc**

**a. Mục tiêu:** nắm được các nội dung khi đọc một tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản và suy nghĩ, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Ngôn ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.*  *+ Vẻ đẹp riêng của vùng đất biên cương được thể hiện qua bài thơ.*  *+ Tình cảm với quê hương đất nước mà bài thơ gợi lên trong em.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc truyện và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***II. Thực hành đọc***  Chiều biên giới – Lò Ngân Sủn   * Ngôn ngữ bình dị, gần gũi. * Hình ảnh đặc trưng cho vùng biên giới: núi rừng, ruộng bậc thang, mây trời, nông trường,,, * Nghệ thuật tu từ đặc sắc: điệp ngữ   + Điệp từ: như, khi, nghe   + Điệp cấu trúc ngữ pháp: Chiều biên giới em ơi (6 lần)   - Vẻ đẹp chiều biên giới: thiên nhiên hoang sơ, thơ mộng, con người hòa cùng cảnh sắc nơi đây.  - Tình cảm của bản thân em: HS tự trình bày |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành bài tập.

**b. Nội dung:** HS trao đổi và hoàn thành bài tập phần củng cố, mở rộng.

**c. Sản phẩm học tập:** Hoàn thiện bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện các bài tập phần củng cố, mở rộng.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS đọc và hoàn thành bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoàn thiện bài làm của mình và đại diện HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức. |  |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để tìm thêm các văn bản thơ, truyện cùng chủ đề Giai điệu đất nước.

**c. Sản phẩm học tập:** Các tác phẩm cùng chủ để

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS: Hãy tìm thêm một số bài thơ cùng chủ đề với các văn bản đã học.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS đọc và hoàn thành bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoàn thiện bài làm của mình và đại diện HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức. |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài Củng cố và thực hành đọc.

+ Soạn bài: ***Bài 5. Màu sắc trăm miền***

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 56, 57: ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về tiếng Việt đã học trong học kì I.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài tập.

- Năng lực tiếp thu tri thức để tìm hiểu bài Thực hành đọc.

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Hệ thống sơ đồ hoặc bảng tóm tắt các vấn đề về chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.

- Một số VB mới thuộc thể loại: truyện, thơ trung đại, văn bản nghị luận, thơ trào phúng liên quan đến các chủ đề đã học của học kì I.

- Đoạn phim ngắn, tranh ảnh minh hoạ phù hợp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1.

- Chuẩn bị các bảng tóm tắt, sơ đồ; sưu tầm các văn bản mới cùng thể loại và chủ đề với văn bản đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Hãy kể tên các bài em đã được học trong Ngữ văn 8 học kì I.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học hôm nay chúng ta cùng củng cố lại các nội dung của các văn bản đã học trong chương trình ngữ văn 8 kì 1.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập phần văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học, đặc trưng thể loại được tìm hiểu trong các bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tóm tắt của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu lớp chia thành 5 nhóm tương ứng với 5 bài đã học trong chương trình kì 1 và thực hiện theo yêu cầu bài tập.  - GV lưu ý HS:  + VB được chọn thuộc thể loại chính và có nội dung thuộc chủ đề của bài học như yêu câu đã nêu: “tiêu biểu cho thể loại và chủ đề của bài học”.  + Vì câu hỏi yêu cầu mỗi bài học chỉ chọn một VB, nên HS cần trao đổi trong nhóm đề thống nhất chọn VB tiêu biểu nhất. Mỗi thành viên khi đề xuất VB cần thuyết minh rõ lí do để bảo vệ quan điểm của mình: *Nên chọn VB nào là tiêu biểu cho thể loại và chủ đề của bài học này? Vì sao?*  + Mỗi bài học, HS nêu chính xác tên VB (nếu là đoạn trích thì nêu tên đoạn trích và tên tác phẩm); tên tác giả và những nét nổi bật về tác giả (nếu biết); thể loại; tóm tắt được những đặc điểm nổi bật, thú vị, đáng nhớ về nghệ thuật và nội dung của VB.  - GV khuyến khích HS chuẩn bị nội dung theo hình thức sơ đồ cây, pô-xtơ, thơ tự do (đọc rap),...  - Khi các nhóm đã hoàn thành phần chuẩn bị nội dung, GV hướng dẫn các em sử dụng kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật khăn trải bàn để trình bày, thuyết minh, tranh luận về sản phẩm một cách sáng tạo, chủ động và hiệu quả.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung.  - HS tự lựa chọn chi tiết mình yêu thích để trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 2-3 HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Ôn tập phần văn bản** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| 1 | Lá cờ thêu sáu chữ vàng | Nguyễn Huy Tưởng | Truyện lịch sử | Văn bản kể về Trần Quốc Toản là một chàng thiếu niên khảng khái và bộc trực, còn nhỏ nhưng đã đau đáu chuyện nước nhà. | Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử. |
| Quang Trung đại phá quân Thanh | Ngô Gia Văn Phái. | Tiểu thuyết chương hồi | Ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta, tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, miêu tả hành động lời nói của nhân vật rõ nét, ngôn ngữ gần gũi, mang đậm nét lịch sử. |
| Ta đi tới | Tố Hữu | Thơ tự do | Vừa ngợi ca chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tớ | Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ, ngôn ngữ giản dị, sâu sắc. |
| 2 | Thu điếu | Nguyễn Khuyến | Thất ngôn bát cú | Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, bài thơ cũng có thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến. | Bài thơ thất ngôn bát cú với cách gieo vần độc đáo vần độc đáo. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại. |
| Thiên trường vãn vọng | Trần Nhân Tông | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ gợi tả cảnh xóm thôn, đồng quê vùng Thiên Trường qua cái nhìn và cảm xúc của Trần Nhân Tông, cảm xúc lắng đọng, cái nhìn man mác, bâng khuâng ôm trùm cảnh vật | Bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa |
| Ca Huế trên sông Hương | Hà Ánh Minh | Bút kí | Cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa – âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển | Thủ pháp liệt kê, kết hợp với giải thích, bình luận. Miêu tả đặc sắc, gợi hình, gợi cảm, chân thực. |
| 3 | Hịch tướng sĩ | Trần Quốc Tuấn | Hịch | Phản ánh tinh thần yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược của nhân dân ta. | Các hình thức nghệ thuật phong phú: lặp tăng tiến, điệp cấu trúc câu, hình ảnh phóng đại, câu hỏi tu từ, lời văn giàu cảm xúc, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý và tình. |
|  | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Hồ Chí Minh | Văn nghị luận | Văn bản ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc | Xây dựng luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật |
|  | Nam quốc sơn hà | ? | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. | Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích  Ngôn ngữ dõng dạc, giọng thơ mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn |
| 4 | Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu | Trần Tế Xương | Thơ thất ngôn bát cú | Miêu tả tình trạng thảm hại của kỳ thi năm Đinh Dậu (1897) tại trường Hà Nam, đồng thời thể hiện sự đau đớn, xót xa của nhà thơ đối với tình cảnh hiện thực nhốn nháo và bất ổn của xã hội thực dân nửa phong kiến ở thời điểm đó. | Cách sử dụng nghệ thuật đối, đảo ngữ trong việc tái hiện cảnh thảm hại của kỳ thi và nói lên tâm sự của tác giả. Ngôn ngữ được sử dụng trong bài thơ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng đầy sức biểu cảm. |
| Lai Tân | Hồ Chí Minh | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | Phê phán chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch | Bài thơ có kết cấu đặc biệt, thể hiện nghệ thuật châm biếm độc đáo sắc sảo của Hồ Chí Minh |
| Một số giọng điệu của thơ trào phúng | Trần Thị Hoa Lê | Văn nghị luận | Nêu ra một số giọng điệu của thơ trào phúng: hài hước, châm biếm – mỉa mai, đả kích | Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác thực |
| 5 | Trưởng giả học làm sang | Mô-li-ê | Hài kịch | Ông Giuốc đanh người dốt, muốn học đòi làm sang hay ưa nịnh, kệch cỡm, bị những kẻ nịnh thần lợi dụng để moi tiền. Ông trở thành nạn nhân của thói nịnh bợ bị rút tiền thưởng, làm trò cười cho mọi người. | Khắc họa tài tình tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói và hành động.  Dựng lên lớp hài kịch ngắn với mâu thuần kịch được thể hiện sinh động, hấp dẫn, gây cười.  Ngôn ngữ kịch sâu sắc |
| Chùm truyện cười dân gian Việt Nam | Tác giả dân gian | Truyện cười | Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | Sử dụng nghệ thuật trào phúng, châm biếm, ngôn ngữ gần gũi với đời sống |
| Chùm ca dao trào phúng | Tác giả dân gian | Ca dao | Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. | Sử dụng nghệ thuật trào phúng, châm biếm, ngôn ngữ gần gũi với đời sống |

**Hoạt động 2: Ôn tập phần tập làm văn**

**a. Mục tiêu:** nắm được các kiểu bài văn đã học trong chương trình kì 1.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được đặc trưng, yêu cầu của các kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Ôn tập yêu cầu các kiểu bài văn đã học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS xem lại phần đã chuẩn bị ở nhà và trình bày theo phân công:  *+ Nhóm 1: Kiểu bài kể lại một chuyến đi.*  *+ Nhóm 2: Kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).*  *+ Nhóm 3: Kiểu bài viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).*  *+ Nhóm 4: Kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).*  - GV hướng dẫn HS:  + Nêu một cách ngắn gọn, rõ ràng yêu cầu của mỗi kiểu bài, có thể lấy ví dụ minh hoạ.  + Chú ý các yêu cầu cơ bản của kiểu bài *viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)*, từ đó, chọn hình thức hướng dẫn phù hợp với sở trường, năng lực của các em.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc truyện và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Ôn tập phần thực hành nói nghe**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem lại phần Nói và nghe đã học trong các bài và thống kê theo bảng mẫu.   |  |  | | --- | --- | | **Bài** | **Nói và nghe** | | Câu chuyện của lịch sử |  | | Vẻ đẹp cổ điển |  | | Lời sông núi |  | | Tiếng cười trào phúng trong thơ |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc truyện và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Các kiểu bài văn đã học**   1. **Ôn tập phần nói và nghe** |

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Những điểm giống nhau** | **Những điểm khác nhau** |
| Hài kịch | - Hướng vào sự cười nhạo những cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu… đối lại với các chuẩn mực về cái tốt, cái đẹp.  - Nhân vật thường có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đang phê phán: hà tiện, tham lam, khoe mẽ… | Có nhiều hình thức xung đột, thường sử dụng các thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịch, cải trang; dùng điệu bộ gây cười… |
| Truyện cười | Dung lượng nhỏ, còn nhằm mục đích giải trí. Cốt truyện tập trung vào các yếu tố gây cười. Ngôn ngữ dân dã, nhiều ẩn ý. |
| Thơ trào phúng | Thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay. |

**Câu 3:**

\* Nét giống nhau của thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật:

- Có hệ thống quy tắc phức tạp: luật, niêm, vần, đối và bố cục.

- Về hình thức: Mỗi câu đều có 7 chữ.

\* Nét khác nhau của thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật:

- Thơ thất ngôn bát cú:

+ Có 8 câu thơ

+ Gieo vần cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

+ Bố cục được triển khai là đề, thực, luận, kết

- Thơ thất ngôn tứ tuyệt:

+ Có 4 câu thơ

+ Các câu 1, 2, 4 hoặc chỉ các câu 2, 4 sẽ hiệp vần với nhau ở chữ cuối.

+ Bốn câu trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt theo thứ tự là các câu khai, thừa, chuyển và hợp.

**Câu 4:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiếng Việt** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
| 1 | Biệt ngữ xã hội | Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. | Chỉ ra biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng. |
| 2 | Biện pháp tu từ đảo ngữ | Được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng. |
| 3 | Từ tượng hình và từ tượng thanh | - Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. | Chỉ ra từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng. |
| 4 | Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp | - Đoạn văn diễn dịch: đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. | Tìm câu chủ đề, xác định kiểu đoạn văn và phân tích tác dụng cách thức tổ chức đoạn văn. |
| 5 | Từ Hán Việt | Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt và một bộ phận các từ phức ít nhiều gây khó hiểu. Nhóm từ gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. | Chỉ ra các yếu tố Hán Việt và giải nghĩa. |
| 6 | Sắc thái nghĩa của từ | Là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nhắc đến. | Phân biệt sắc thái nghĩa của từ. |
| 7 | Câu hỏi tu từ | Là câu hỏi không dùng để hỏi mà để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,… | - Chỉ ra câu hỏi tu từ.  - Chuyển câu  sang câu hỏi tu từ. |
| 8 | Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu | - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ trong câu và từ ngữ cảnh sử dụng câu. | Xác định nghĩa hàm ẩn của câu. |

**Câu 5:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kiểu bài viết** | **Yêu cầu của kiểu bài** | **Đề tài đã thực hành viết** |
| 1 | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) | - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết. | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) đáng nhớ nhất. |
| 2 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thât ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) | - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ…); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ…);…).  - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. | Phân tích bài thơ “Thu điếu” Nguyễn Khuyến. |
| 3 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước) | - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động. | Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước. |
| 4 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) | - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. | Phân tích bài thơ “Lai Tân” của Hồ Chí Minh. |
| 5 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) | - Nêu được vấn đề nghị luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận).  - Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. | Nghị luận về lối sống ích kỉ |

**Câu 6.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Nói và nghe** |
| Câu chuyện lịch sử | Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử) |
| Vẻ đẹp cổ điển | Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại) |
| Lời sông núi | Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh) |
| Tiếng cười trong thơ trào phúng | Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội |

 Điểm chung trong việc thực hiện các bước của hoạt động nói và nghe:

- Trước khi nói

- Trình bày bài nói

- Sau khi nói

**Hoạt động 4: Ôn tập phần tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** nắm được các kiến thức tiếng Việt đã học trong chương trình kì 1.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được đặc trưng, yêu cầu của các kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tóm tắt các kiến thức tiếng Việt đã học:  *+ Tóm tắt chính xác và ngắn gọn kiến thức tiếng Việt trong mỗi bài.*  *+ Có thể lấy ví dụ minh họa mới*.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc truyện và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **4. Ôn tập phần tiếng Việt** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiếng Việt** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
| 1 | Biệt ngữ xã hội | Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. | Chỉ ra biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng. |
| 2 | Biện pháp tu từ đảo ngữ | Được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng. |
| 3 | Từ tượng hình và từ tượng thanh | - Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. | Chỉ ra từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng. |
| 4 | Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp | - Đoạn văn diễn dịch: đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. | Tìm câu chủ đề, xác định kiểu đoạn văn và phân tích tác dụng cách thức tổ chức đoạn văn. |
| 5 | Từ Hán Việt | Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt và một bộ phận các từ phức ít nhiều gây khó hiểu. Nhóm từ gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. | Chỉ ra các yếu tố Hán Việt và giải nghĩa. |
| 6 | Sắc thái nghĩa của từ | Là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nhắc đến. | Phân biệt sắc thái nghĩa của từ. |
| 7 | Câu hỏi tu từ | Là câu hỏi không dùng để hỏi mà để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,… | - Chỉ ra câu hỏi tu từ.  - Chuyển câu  sang câu hỏi tu từ. |
| 8 | Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu | - Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.  - Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ trong câu và từ ngữ cảnh sử dụng câu. | Xác định nghĩa hàm ẩn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành bài tập thep phiếu luyện tập tổng hợp.

**b. Nội dung:** HS trao đổi và hoàn thành bài tập trong phiếu luyện tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm học tập:** Hoàn thiện bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện các bài tập phần luyện tập tổng hợp theo nhóm:

*+ Nhóm 1,3: Phiếu học tập số 1 (trang 125)*

*+ Nhóm 2,4: Phiếu học tập số 2 (trang 127)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài làm của mình và đại diện HS trình bày trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**Đáp án:**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **1. Đọc**   * Chọn phương án đúng   Câu 1. A Câu 4. B  Câu 2. C Câu 5. C  Câu 3. C Câu 6. B   * Trả lời câu hỏi:   ***Câu 1.***  Có thể khẳng định *Chiều hôm nhớ nhà* là một bài thơ trữ tình vì:  - Bài thơ bộc lộ nỗi nhớ quê hương của tác giả.  - Ngôn ngữ của bài thơ mang tính nhạc.  - Có cách ngắt nhịp hài hòa giữa các vế câu, các cặp câu thơ đối nhau.  - Sử dụng các biện pháp tu từ.  ***Câu 2.***    Các hình ảnh làm nổi bật nhan đề *Chiều hôm nhớ nhà*:  - Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn  - Dặm liễu sương sa khách bước dồn.  - Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ  - Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.  ***Câu 3***  Phong cảnh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt trong bài thơ được khắc họa với màu sắc u buồn, không gian chiều tà tạo cho cảnh hoàng hôn miền đất lạ mang màu sắc dân dã. Những cảnh vật được khắc họa: gió, chim… đều gần gũi thân thuộc với con người Việt Nam. Con người xuất hiện trong bức tranh với vẻ mộc mạc, dân dã. Người lữ khách thì lạnh lẽo, cô liêu.  ***Câu 4***  Tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan: Đó là một tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Bài thơ chính là một niềm tâm sự, được giãi bày khi đi tới vùng đất lạ của tác giả.  ***Câu 5***  Nhận xét về cách dùng từ của tác giả:  - Sử dụng hệ thống từ Hán Việt phong phú.  - Các câu thơ có vần, ngôn từ giàu tính nhạc, tạo ra khung cảnh hẻo lánh, cô đơn.  - Sử dụng những thi liệu mang tính chất ước lệ của thi pháp cổ.  **2. Viết:** **Đoạn văn tham khảo**  Bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà” của Bà Huyện Thanh Quan đã thành công khi miêu tả cảnh hoàng hôn và nỗi buồn của kẻ tha hương. Bức tranh phong cảnh trong bài thơ được miêu tả qua hình ảnh hoàng hôn một buổi chiều viễn xứ. Hình ảnh sáng lờ mờ, lúc sắp tối, mơ hồ gần xa, tạo cho bức tranh một buổi chiều thấm buồn “Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn”. Nỗi buồn ấy được nhân lên khi tiếng ốc tù và cùng tiếng trống “xa đưa vẳng” lại. Chiều dài của tiếng ốc, chiều cao của tiếng trống đồn đã gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái. Hai hình ảnh “chim bay mỏi” và “khách bước dồn” là hai nét vẽ đăng đôi, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn. Con người như bơ vơ, lạc lõng giữa “gió cuốn” và “sương sa”, đang sống trong khoảnh khắc sầu cảm, buồn thương ghê gớm. Bằng sự trải nghiệm của cuộc đời, đã sống những khoảnh khắc hoàng hôn ở nơi đất khách quê người, nữ sĩ mới viết được những câu thơ rất thực miêu tả cảnh ngộ lẻ loi của kẻ tha hương hay đến thế! “Chương Đài” và “lữ thứ” trong văn cảnh gợi ra một trường liên tưởng về nỗi buồn li biệt của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Khép lại bài thơ là một tiếng than giãi bày một niềm tâm sự được diễn tả dưới hình thức câu hỏi tu từ. “Ai” là đại từ phiếm chỉ, nhưng ai cũng biết đó là chồng, con, những người thân thương của nữ sĩ. “Hàn ôn” là nóng lạnh, “nỗi hàn ôn” là nỗi niềm tâm sự. Người lữ thứ trong chiều tha hương thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết.  **3. Nói và nghe**  HS thực hành nói và nghe để củng cố kĩ năng trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị, theo hướng dẩn của GV trong phạm vi phù hợp với bài ôn tập. Nếu không có điếu kiện thực hành nói và nghe ở lớp thì GV chỉ cấn yêu cầu HS chuẩn bị dàn ý bài nói. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **1. Đọc**   * Chọn phương án đúng   Câu 1. B Câu 4. C  Câu 2. B Câu 5. C  Câu 3. B Câu 6. B   * Trả lời câu hỏi:   ***Câu 1.***  - Trần Quốc Tuấn đang ngồi uống rượu thì được bô lão thông báo: có một người chưa đến tuổi bạ tịch xin tranh giải nhất. Mặc dù đã khuyên bảo nhưng thằng bé vẫn nằng nặc xin giải nhất và được đồng ý tranh giải nhất với Đô Trâu (người của Trần Ích Tắc).  - Trần Quốc Tuấn ra sới xem đấu vật, vừa trông thấy thằng bé ngài đã thích ngay.  - Keo vật bắt đầu, đô Trâu khinh thường đối thủ. Những loay hoay không thực hiện được ý định của mình.  - Đô Trâu toát mồ hôi trong khi đôi mắt bướng bỉnh của thằng bé vẫn bốc sáng chăm chú.  - Thằng bé quyết tâm thắng trận đấu này. Vào keo vật thứ sáu, sự gan lì của cậu bé đã quật ngửa tênh hênh trên mặt đất.  - Sau đó, Trần Quốc Tuấn thu nhận thằng bé gan lì vào đội quân gia nô của mình. Nó chính là Yết Kiêu. Bây giờ Yết Kiêu đứng kia, ngay bên cạnh ông.  ***Câu 2.***  - Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng ngôi thứ ba.  - Qua lời kể của nhân vật, em thấy người kể chuyện không có thiện cảm với đô Trâu và Trần Ích Tắc.  ***Câu 3***  - Những cặp nhân vật đối lập nhau: Trần Quốc Tuấn – Trần Ích Tắc, Yết Kiêu – đô Trâu.  - Sự đối lập đó đã làm nổi bật tính cách của các nhân vật.  ***Câu 4***  - Theo em, dùng từ thằng bé có sắc thái nhấn mạnh.  - Thử thay thế bằng từ cậu bé, chú bé,…  => Sử dụng từ thằng bé giúp thể hiện, nhấn mạnh sự gan lì, sức mạnh của Yết Kiêu.  ***Câu 5***  Chi tiết Trần Quốc Tuấn thu nhận Yết Kiêu vào đội quân gia nô của mình nói lên con mắt tinh tường trong sự chiêu dụng người tài của Trần Quốc Tuấn, đồng thời cũng khẳng định sự bản lĩnh, sức mạnh của Yết Kiêu.  **2. Viết:**  **\* Tìm ý**  - Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?  - Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo…).  - Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,…).  - Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nưỡ; tình cảm với quê hương…).  **\* Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý dã tìm được vào từng phần để thành dàn ý  *- Mở bài:*  + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  *- Thân bài:*  + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến thúc,…).  *- Kết bài:*  Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  **\* Viết mở bài**  Cuộc đời mỗi con người là những chuyến đi dài ngắn khác nhau. Sau mỗi chuyến đi ấy, chúng ta lại đón nhận thêm được nhiều điều mới mẻ. Tôi may mắn được tham gia rất nhiều chuyến tham quan, nhưng chuyến tham quan mà tôi nhớ nhất là chuyến tham quan Mai Châu – Hòa Bình năm ngoái. Chuyến đi giúp chúng tôi khám phá vẻ đẹp quê hương đất nước và bồi dưỡng tình cảm với mảnh đất xinh đẹp này.  **3. Nói và nghe**  - Xác định vấn đề trình bày: Kiêu căng và hiếu thắng – những thói xấu cần tránh.  - Xác định mục đích nói  - Xác định đối tượng người nghe  - Xác định không gian và thời gian nói  - Tìm ý và lập dàn ý  HS thực hành nói và nghe để củng cố kĩ năng trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị, theo hướng dẩn của GV trong phạm vi phù hợp với bài ôn tập. Nếu không có điếu kiện thực hành nói và nghe ở lớp thì GV chỉ cấn yêu cầu HS chuẩn bị dàn ý bài nói. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để đọc, tìm hiểu các văn bản cùng chủ đề và thể loại đã học trong học kì I.

**c. Sản phẩm học tập:** Các tác phẩm cùng chủ để và thể loại.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Tìm đọc thêm các văn bản cùng chủ đề, thể loại với các văn bản đã học trong học kì I.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và sưu tầm các bài thơ đã biết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs hoàn thành và đọc cho nhau nghe trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày baì tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài đã học.

+ Chuẩn bị kiểm tra cuối học kì I.

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 58**

**BÀI 5. NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI**

**TRI THỨC NGỮ VĂN. TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột hành động. nhân vật, lời thoại , thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực nhận biết được một số yếu tố của truyện cười

- Năng lực nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hưởng đến cách ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Thông qua hình ảnh để tìm hiểu về chủ đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cuả HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu cho HS xem hình ảnh một số tác phẩm truyện cười nổi tiếng  - GV đặt câu hỏi cho HS: *Theo em, một câu chuyện có yếu tố gây cười thường có đặc điểm gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời sau khi xem xong tranh, ảnh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: Cuộc sống không thể thiếu tiếng cười. Có tiếng cười cuộc sống sẽ vui vẻ, hạnh phúc hơn. Và chủ đề hôm nay chúng ta học cũng liên quan tới tiếng cười và đó là Những câu chuyện hài |  |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được một số yếu tố của hài kịch và truyện cười,

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiểu văn nghị luận xã hội**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về hài kịch và truyện cười  *+Hài kịch là:….*  *+ Truyện cười là…*  - GV cho HS đọc to thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 100), sau đó đặt một số câu hỏi để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin của HS:  *+ Đặc điểm của xung đột trong các tác phẩm hài kịch là gì?*  *+ Hài kịch sử dụng các thủ pháp trào phùng nhằm mục đích gì?*  *+ Các yếu tố chính trong những tác phẩm truyện cười là gì?*  *+ Truyện cười có phải là truyện dân gian không?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***1. Hài kịch***  - Hài Kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực và cái tốt đẹp, tiến bộ. Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, nhưng phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bốn trong với cái bên ngoài. Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cuối. Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ... Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch. Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang: dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lùng, nhại....  **2. Truyện cười**  • Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí  Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, những nghịch lí trong đời sống.... Bối cảnh được xây dựng trong truyện cười thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính trong truyện cuối thường là đối tượng bị chế giễu  Ngôn ngữ truyện cuối dân dã, nhiều ẩn ý.  • Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên cũng có cả ở hình thức truyện kể của văn học viết. |

**Hoạt động 2: Đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm văn bản “Trưởng giả học làm sang”**

**2.1. Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đọc văn bản hài kịch, chú thích từ khó hiểu. Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản. HS chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Phần đọc văn bản kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Trưởng giả học làm sang*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1:** **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản theo giọng điệu phù hợp, chú ý phân vai theo nhân vật  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động**  - GV mời HS đọc phân vai, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động “Giải mật thư” để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm:    - Dự kiến đáp án: người Pháp ; yêu đời ; sâu sắc ; con người ; học đòi ; hài kịch 5 hồi ; 1670 ; Giuốc-đanh ; kẻ giàu ; hám danh ; phó may ; người hầu  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS hoàn thành mật thư  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.Đọc – tìm hiểu chung**  **1.Đọc văn bản**  **2.Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin  - Quê quán: Nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp  - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác  + Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu  + Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”  + Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm có 5 hồi (1670).  +Đoạn trích là toàn bộ lớp 5 kết thúc hồi 2  -Thể loại: Kịch  -Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  -Bố cục  +Phần 1 (Từ đầu đến ***...theo cách thức mặc cho các nhà quý phái***): Ông Giuốc-đanh và phó may  +Còn lại: Ông Giuốc-đanh và 4 chú thợ phụ. |

**Hoạt động 3: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Học sinh phân tích được nét tương phản trong hành động của ông Giuoc đanh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Trưởng giả học làm sang

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Trưởng giả học làm sang*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  +Xung đột kịch xuyên suốt VB “Trưởng giả học làm sang” là gì?  +Xung đột này được thể hiện qua những mâu thuẫn nào?  +Nêu tác dụng của xung đột kịch đó  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. | **II.Khám phá văn bản**  **1. Xung đột kịch**  **- Xung đột kịch:** Xung đột giữa ước muốn (trở thành quý tộc) và khả năng (sự thiếu hiểu biết, thói háo danh) của ông Giuốc-đanh  **- Hình thức xung đột:** Mâu thuẫn bên ngoài giữa các nhóm nhân vật (qua màn đối thoại của ông Giuốc-đanh với các nhân vật khác)  **- Tác dụng:**  + Góp phần tạo nên sự kịch tính, hấp dẫn cho câu chuyện  + Là tiền đề xây dựng nhân vật với lời nói, hành động, tính cách sống động  + Giúp thể hiện rõ chủ đề của tác phẩm |

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Trưởng giả học làm sang*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm xung đột kịch của văn bản “ Trưởng giả học làm sang”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện bài viết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản  *Trưởng giả học làm sang để* hoàn thành sơ đồ tu duy

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS vẽ sơ tư duy tác giả, tác phẩm văn bản “ Trưởng giả học làm sang”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện bài viết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung tìm hiểu: Đặc điểm xung đột kịch

+ Soạn bài tiếp theo: Hành động, nhân vật, ngôn ngữ kịch

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 59. TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột hành động, nhân vật, lời thoại , thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực nhận biết được một số yếu tố của truyện cười

- Năng lực nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hưởng đến cách ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Thông qua hình ảnh để tìm hiểu về chủ đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cuả HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Em hãy tóm tắt lại nội dung “ Trưởng giả học làm sang”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời sau khi xem xong tranh, ảnh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, dẫn dắt vài bài mới. |  |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết và phân tích được xung đột kịch, hành động kịch, ngôn ngữ, thủ pháp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thiện PHT

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, sản phẩm trao đổi nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, hoàn thiện PHT    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện PHT  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, tiến hành ghép nối    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện PHT  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **2. Hành động kịch**  - Hành động kịch xuyên suốt: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới (Từ hành động này dẫn đến hành động của các nhân vật khác)  - Tác dụng: Giúp khắc họa tính cách nhân vật + Thể hiện xung đột kịch, tăng kịch tính cho câu chuyện  **3. Nhân vật kịch**  **a/ Nhân vật Giuốc-đanh**  - Xuất thân: Là 1 nhà buôn giàu có nhờ bố mẹ làm nghề buôn dạ.  - Ước muốn: Trở thành 1 phần của tầng lớp quý tộc.  - Tính cách: Thiếu hiểu biết, háo danh, ưa nịnh đến mức mù quáng, có những hành động lố bịch và ngu ngốc  🡪 Đáng cười, bị lợi dụng, lừa gạt.  **b/ Các nhân vật khác**  - Phó may: Ba hoa, khoác lác, tham lam, láu cá, cơ hội  - Đám thợ bạn: Ranh mãnh, nịnh hót tầm thường để moi tiền  - Cô hầu Ni-côn: Thật thà, không ngại thể hiện sự cười nhạo, đánh giá của mình với ông chủ  **4. Ngôn ngữ kịch**  - Hình thức ngôn ngữ: Đối thoại (Những lời thoại của nhân vật mang tính đối nghịch: Giữa tên gọi và thực chất sự việc; Trong mạch đối thoại giữa các nhân vật)  - Ngôn ngữ tự nhiên, gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày  **5.Thủ pháp trào phúng**  **- Thủ pháp đối nghịch:** Mong muốn >< khả năng (của Giuốc-đanh); Tài năng kém cỏi >< Những lời bao biện, khoa trương (của phó may), Khách >< Thợ; Chủ >< Tớ  **- Thủ pháp tăng tiến:** Các danh xưng mà lũ thợ bạn dành cho Giuốc-đanh ngày càng cao theo cấp độ quý phái  **- Thủ pháp phóng đại:** Sự mê muội của Giuốc-đanh trước sự thật hiển nhiên được phóng đại lên + Nghi lễ mặc lễ phục kì cục, quá lố  **- Thoại bỏ lửng:** Những lời nói, mệnh lệnh của Giuốc-đanh bị ngắt lời bằng những tiếng cười của cô hầu Ni-côn |

**Hoạt động 2: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát nội dung, nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, sản phẩm trao đổi nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi: Nêu nội dung, nghệ thuật, bài học từ “ Trưởng giả học làm sang”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện PHT  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Qua việc ông Giuốc-đanh muốn thay đổi cách ăn mặc, tác giả phê phán thói học đòi cao sang của tầng lớp trưởng giả.  **2. Nghệ thuật**  - Khắc họa tài tình tính cách lố lăng của nhân vật qua lời nói, hành động.  - Lớp hài kịch ngắn với mâu thuẫn kịch được thể hiện sinh động, hấp dẫn, gây cười qua các thủ pháp trào phúng  **3. Bài học**  - Cần ứng xử và thể hiện bản thân 1 cách phù hợp, văn minh  - Cần nhìn nhận, đánh giá người khác một cách toàn diện, sâu sắc chứ không chỉ dựa trên hình thức bên ngoài  **4. Cách đọc hiểu văn bản hài kịch**  - Xác định các xung đột kịch  - Xác định các hành động kịch  - Chỉ ra đặc điểm của nhân vật kịch  - Xác định đặc điểm ngôn ngữ kịch  - Xác định các thủ pháp trào phúng |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Trưởng giả học làm sang*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện bài viết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản  *Trưởng giả học làm sang* hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  **Câu 1:** Mô-li-e là nhà văn nước nào ?  A. Nga  B. Mĩ  C. Đức  **D. Pháp**  **Câu 2:** Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?  A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.  B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.  **C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.**  D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.  **Câu 3:** Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc đanh là gì ?  A. Màu đen      C. Trang nhã, rẻ tiền  **B. Hoa ngược**      D. Gồm ý A và B  **Câu 4:** Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?  A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.  **B. Dốt nát, kém hiểu biết.**  C. Thích những cái lạ mắt.  D. Hài hước và hóm hỉnh.  **Câu 5:** Bác phó may đã làm gì để lợi dụng tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh ?  A. Giải thích cho ông Giuốc-đanh biết rằng việc may áo ngược hoa là phù hợp với kiểu cách của người quí phái.  B. May thêm một chiếc áo cho riêng mình bằng chính tấm vải ông Giuốc-đanh đặt để may bộ lễ phục.  C. Đem theo những người thợ phụ giúp ông Giuốc đanh mặc theo cách thức của những người quí phái để moi tiền của ông ta.  **D. Gồm cả A, B và C.**  **Câu 6:** Mục đích của nhà văn khi khắc hoạ các động tác “ cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói” cả ông Giuốc-đanh đều diễn ra theo nhịp của điệu nhạc ?  **A. Khắc hoạ sinh động hơn thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh và tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.**  B. Tạo không khí vui nhộn, sinh động cho cảnh mới nhằm thu hút sự chú ý của khán giả.  C. Chế giễu sự kém hiểu biết và quê kệch của ông Giuốc đanh.  D. Diễn tả cụ thể những động tác, cử chỉ nực cười của ông Giuốc đanh.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung tìm hiểu: Hành động, nhân vật, ngôn ngữ kịch

+ Soạn bài tiếp theo: Thực hành Tiếng Việt

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 60: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Học sinh nhận biết được câu hỏi tu từ

- Học sinh chỉ ra và nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong sáng tác văn học

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực chỉ ra được câu hỏi tu từ

- Năng lực trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**3. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” ( Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu lên bảng 2 câu hỏi, sau đó đặt câu hỏi phát vấn “Theo em hai câu hỏi trên có điểm gì giống và khác nhau?”  Câu hỏi:  + Mẹ có phải người quan trọng nhất trong cuộc đời mỗi người không?  + Chúng ta sinh ra làm sao có thể thiếu mẹ được?  - GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi  - GV gọi đại diện nhóm chia sẻ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhận biết câu hỏi tu từ**

**a. Mục tiêu:**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, cách nhận biết câu hỏi tu từ và tác dụng của nó.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Nhận biết câu hỏi tu từ**  **a/ Phân tích ví dụ**  a. – Có đi xem phim với tớ không  - Cậu không thấy tớ còn nhiều bài tập thể này à?  Câu thứ nhất là câu có mục đích hỏi. Câu thứ hai có hình thức là câu hỏi nhưng lại biểu thị sự từ chối (không đi xem phim được). Vậy câu thứ hai là câu hỏi tu từ.  b. Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:  “Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”  Con hỏi: “Nhưng làm sao mình lên đó được?”  Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây  “Mẹ mình đang đợi ở nhà" con bảo “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?"  (Ta-go, Mây và sóng)  Câu “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?" là câu có mục đích hỏi. Câu "Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?" dùng hình thức câu hỏi nhưng là để khẳng định (không thể đi chơi ở những nơi kì thú. xa xôi). Vậy câu “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?" là câu hỏi tu từ.  b/ Hình thành khái niệm  - Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,...  **2. Tác dụng của câu hỏi tu từ**  Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 107 - 108

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Bài tập SGK trang 107 -108  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | **Câu hỏi 1.** Chỉ ra các câu hỏi tu từ trong đoạn trích vở kịch Trưởng giả học làm sang. Giải thích vì sao đó là những câu hỏi tu từ.  Các câu hỏi tu từ: Đâu có là thế nào? Thế này là thế nào? Lại còn phải bảo cái đó à? Những người quý phái mặc ngược hoa à? Bác cho rằng tôi mặc thế này có vừa sát không? Thế nào?  Những câu trên là câu hỏi tu từ bởi:   * Có đầy đủ hình thức của một câu nghi vấn và luôn có dấu chấm hỏi để kết thúc một câu * Câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm khẳng định, hoặc nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa nào đó mà người nói hoặc người viết muốn biểu đạt đến người khác * Thông tin được truyền đạt phải dễ hiểu, dễ tiếp thu đối với người đọc, người nghe * Thông tin luôn mang ý nghĩa tượng trưng cho một vấn đề nào đó * Được dùng theo cách nói ẩn dụ, nhằm thể hiện sắc thái biểu đạt * Có thể mang hàm ý phủ định với nội dung được người nói, người viết nhắc đến trong câu   **Câu hỏi 2.**  Đâu có thế.  Thế à.  Bảo nữa à.  Những người quý phái mặc ngược hoa.  Tôi mặc sát như này bác xem đi.  Hiệu quả của câu hỏi tu từ sang câu kể; làm mất đi ý nghĩa của câu.  **Câu hỏi 3**  a. Tôi không biết làm sao có thể đến sớm được đây, tôi có thể cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài?  b. Chú mình có thể đi thông thả được không?  **Câu hỏi 4.**  Có bởi câu hỏi tu từ dùng trong văn học nhằm tăng sức biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa cho câu văn.  **Câu hỏi 5.**  Hãy đặt câu hỏi tu từ cho từng tình huống sau đây:  a. Bày tỏ cảm xúc khi được nhận một món quà từ người thân.  b. Bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật trong tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc.  Trả lời:  a. Món quà này thật là quý giá, chắc mẹ mua khó lắm đúng không?  b. Phải chăng, nếu Thị Nở đồng ý cưới Chí Phèo thì hắn có vẻ sẽ không rơi vào kết cục như thế? |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành phiếu học tập

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành phiếu học tập

**c. Sản phẩm học tập**: Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  A picture containing text, screenshot, font, line  Description automatically generated  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng câu hỏi tu từ

+ Ôn tập kiến thức kiểm tra ĐGCKI

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**